



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 1 tháng 4 năm 2019

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 14 ngày 1 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Chủ tịch (<i>từ ngày 2/5/2020</i>)
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên
	Ông Bạch Thăng Long	Thành viên (<i>từ ngày 2/5/2020</i>)
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên (<i>từ ngày 2/5/2020</i>)
	Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên (<i>đến ngày 1/5/2020</i>)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên (<i>đến ngày 1/5/2020</i>)
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên (<i>đến ngày 1/5/2020</i>)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Giám đốc điều hành
	Bà Phạm Bích Hồng	Giám đốc điều hành
	Ông Hoàng Thế Nhu	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đông
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thần Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 26-08-2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00232-20-2



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

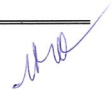
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.469.952.151.967	1.160.803.427.772
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	27.742.842.107	72.169.339.248
Tiền	111		26.242.842.107	72.169.339.248
Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.137.500.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	116.137.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		503.876.869.727	374.552.481.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	451.904.276.686	341.694.970.553
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.211.502.750	8.916.609.480
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	8.600.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	39.905.876.055	26.887.590.824
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(13.744.785.764)	(2.946.689.743)
Hàng tồn kho	140	14	770.767.603.145	697.116.779.208
Hàng tồn kho	141		866.677.443.298	700.667.946.077
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.909.840.153)	(3.551.166.869)
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.427.336.988	16.964.828.202
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.946.412.318	2.394.385.320
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.480.924.670	14.267.196.882
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	303.246.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		419.698.247.159	427.217.349.527
Các khoản phải thu dài hạn	210		24.564.003.476	24.218.378.029
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	24.564.003.476	24.218.378.029
Tài sản cố định	220		322.978.733.224	332.843.549.591
Tài sản cố định hữu hình	221	15	315.631.474.083	324.600.612.895
Nguyên giá	222		1.325.815.913.689	1.296.123.718.257
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.010.184.439.606)	(971.523.105.362)
Tài sản cố định vô hình	227	16	7.347.259.141	8.242.936.696
Nguyên giá	228		14.104.899.483	14.104.899.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.757.640.342)	(5.861.962.787)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.107.681.820	40.046.921.393
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	44.107.681.820	40.046.921.393
Tài sản dài hạn khác	260		28.047.828.639	30.108.500.514
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	28.047.828.639	30.108.500.514
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.889.650.399.126	1.588.020.777.299



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

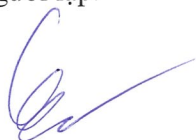
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.527.326.300.702	1.196.951.982.977
Nợ ngắn hạn	310		1.342.768.524.886	1.031.331.925.136
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	611.761.194.279	461.656.876.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.901.285.729	29.127.594.203
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	25.361.368.636	9.129.165.326
Phải trả người lao động	314		193.757.584.364	182.628.109.742
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65.573.753	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.363.637	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	59.176.804.452	3.759.993.155
Vay ngắn hạn	320	22(a)	394.009.983.407	330.581.956.234
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.204.022.786	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	18.527.343.843	14.448.230.114
Nợ dài hạn	330		184.557.775.816	165.620.057.841
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		25.788.867.501	36.433.105.501
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	11.531.900.000	11.558.705.000
Vay dài hạn	338	22(b)	140.790.866.425	110.521.379.820
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.446.141.890	7.106.867.520
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		362.324.098.424	391.068.794.322
Vốn chủ sở hữu	410	24	362.324.098.424	391.068.794.322
Vốn cổ phần	411	25	302.400.000.000	302.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.400.000.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	23.199.319.147	19.819.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.913.118.189	68.149.055.645
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		519.470.445	558.428.198
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		35.393.647.744	67.590.627.447
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		814.101.088	702.359.530
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.889.650.399.126	1.588.020.777.299

26-08-2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Trần Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.805.066.060.031	1.549.802.443.650
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	3.914.079.649	39.182.912
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.801.151.980.382	1.549.763.260.738
Giá vốn hàng bán	11	30	1.579.750.574.282	1.305.555.310.010
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		221.401.406.100	244.207.950.728
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	15.863.066.436	9.652.508.928
Chi phí tài chính	22	32	16.610.952.701	22.173.608.662
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.678.533.635	12.528.820.280
Chi phí bán hàng	25	33	81.276.671.650	87.280.402.988
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	100.823.658.162	106.327.582.161
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		38.553.190.023	38.078.865.845
Thu nhập khác	31	35	1.671.612.217	1.427.056.173
Chi phí khác	32		38.758.057	1.445.699
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.632.854.160	1.425.610.474
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.186.044.183	39.504.476.319
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	7.346.454.881	6.227.732.316
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.839.589.302	33.276.744.003
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		32.727.847.744	33.174.451.932
Cổ đông không kiểm soát	62		111.741.558	102.292.071
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	870	850

26-08-2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		40.186.044.183	39.504.476.319
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.084.480.035	62.004.983.559
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03 04		108.360.792.091	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.121.682.660)	1.983.937.644
Chi phí lãi vay	06		(1.514.241.218)	(1.457.499.938)
			9.678.533.635	12.528.820.280
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		205.673.926.066	114.564.717.864
Biến động các khoản phải thu	09		(165.836.462.108)	(12.168.808.538)
Biến động hàng tồn kho	10		(166.009.497.221)	(106.486.307.070)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		173.214.144.813	(18.202.114.518)
Biến động chi phí trả trước	12		3.567.333.842	(3.128.704.866)
			50.609.445.392	(25.421.217.128)
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.678.533.635)	(12.528.820.280)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.003.481.859)	(5.913.725.660)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.038.670.000	278.340.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.935.996.271)	(2.478.384.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.030.103.627	(46.063.807.169)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(48.374.692.940)	(59.838.776.064)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.590.005.909	1.339.445.455
Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	23		(124.737.500.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		299.089.559	320.874.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(170.223.097.472)	(58.178.456.130)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		775.349.934.721	728.904.629.483
Tiền trả nợ gốc vay	34		(680.655.430.646)	(616.533.328.431)
Tiền trả cổ tức	36		-	(36.256.611.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		94.694.504.075	76.114.689.102
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(44.498.489.770)	(28.127.574.197)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	72.169.339.248	64.102.403.357
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		71.992.629	(37.155.649)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	27.742.842.107	35.937.673.511

26-08-2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Tổng công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ đầu năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu, trong đó Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh như giãn cách xã hội, đóng cửa biên giới, hạn chế các hoạt động đông người... Các biện pháp này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận kinh doanh xuất nhập khẩu và gia công hàng may mặc – là các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Tổng công ty và công ty con. Do sự không chắc chắn về khả năng ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh, Ban Tổng Giám đốc chưa thể đánh giá được một cách chính xác ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty trong tương lai.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty có 1 công ty con là Công ty TNHH May Phù Đổng, (1/1/2020: 1 công ty con là Công ty TNHH May Phù Đổng). Tổng công ty chiếm 60,97% quyền biểu quyết và quyền sở hữu tại công ty con này.

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất và kinh doanh hàng may mặc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty và công ty con có 6.984 nhân viên (1/1/2020: 7.371 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cửa hàng, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty hoặc công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác định rằng Tổng công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và công ty con được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và công ty con được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty hoặc công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Tổng công ty và công ty con không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Châu Mỹ
- Việt Nam
- Các vùng khác

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần của bộ phận	197.098.152.123	693.990.379.761	709.793.526.787	181.891.541.753	18.378.379.958	1.801.151.980.382
Kết quả kinh doanh của bộ phận	27.664.940.038	144.723.275.288	111.250.667.340	(60.688.157.566)	(1.549.319.000)	221.401.406.100
Thu nhập không phân bổ						15.863.066.436
Chi phí không phân bổ						(198.711.282.513)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						38.553.190.023
Thu nhập khác						1.671.612.217
Chi phí khác						(38.758.057)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(7.346.454.881)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						32.839.589.302

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần của bộ phận	180.576.632.299	472.431.040.104	685.720.792.068	182.368.682.823	28.666.113.444	1.549.763.260.738
Kết quả kinh doanh của bộ phận	33.475.087.920	37.588.940.898	103.849.749.664	68.789.512.531	504.659.715	244.207.950.728
<hr/>						
Thu nhập không phân bổ						9.652.508.928
Chi phí không phân bổ						(215.781.593.811)
<hr/>						
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						38.078.865.845
<hr/>						
Thu nhập khác						1.427.056.173
Chi phí khác						(1.445.699)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(6.227.732.316)
<hr/>						
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						33.276.744.003
<hr/>						



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ	26.404.953.332	176.907.572.935	206.139.295.881	41.246.006.128	1.206.448.410	451.904.276.686 <hr/> 1.437.746.122.440
Tổng tài sản						<hr/> <hr/> 1.889.650.399.126
Tổng nợ phải trả không phân bổ						<hr/> <hr/> 1.527.326.300.702

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn						48.374.692.940
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						49.849.528.110
Khấu hao tài sản cố định vô hình						895.677.555



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020**

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	43.270.622.005	103.484.502.915	140.067.673.704	50.686.371.013	8.019.278.904	345.528.448.541
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ						1.242.492.328.758
Tổng tài sản						<u>1.588.020.777.299</u>
Tổng nợ phải trả không phân bổ						<u>1.196.951.982.977</u>

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn						59.838.776.064
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						61.611.040.941
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính						46.800.000
Khấu hao tài sản cố định vô hình						1.095.645.450



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.380.302.877	3.986.350.566
Tiền gửi ngân hàng	21.862.539.230	68.182.988.682
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	27.742.842.107	72.169.339.248
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 8,25% một năm (1/1/2020: Không).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Lainiere De Picardie Bc	61.979.262.986	-
Direct Source (Far East) Ltd	58.904.675.914	25.110.636.401
Li & Fung	56.104.208.219	5.519.958.232
Lever Shirt Limited	39.231.512.790	68.650.831.302
Pacificways Limited	38.496.489.841	37.224.271.886
Oktava Hong Kong Limited	14.875.378.642	33.614.033.742
Brandtex A/C	10.678.854.722	24.643.923.940
Các khách hàng khác	171.633.893.572	146.931.315.050
	<hr/>	<hr/>
	451.904.276.686	341.694.970.553
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	34.798.000	5.107.164.929
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty TNHH H.N.P vay với lãi suất 7% một năm và kỳ hạn 12 tháng.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước (*)	7.649.747.064	7.530.386.567
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	12.884.515.900	12.878.943.013
Tạm ứng cho nhân viên	1.929.245.248	911.510.100
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất	3.633.634.000	3.633.634.000
Tạm ứng cho Công ty TNHH Central Asset Management	10.077.250.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.731.483.843	1.933.117.144
	39.905.876.055	26.887.590.824

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước (*)	13.964.480.000	13.958.440.000
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	7.803.000.000	7.799.625.000
Đặt cọc dài hạn	2.707.563.968	2.360.633.821
Phải thu dài hạn khác	88.959.508	99.679.208
	24.564.003.476	24.218.378.029

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn Huệ Nguyễn Glee Co Công ty TNHH May Toàn Thắng	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-
Công ty TNHH Việt Thắng Jean	Trên 3 năm – 2 năm – 3 năm – 6 tháng – 1 năm – 6 tháng – 1 năm	35.000.000	(35.000.000)	-	Trên 3 năm	35.000.000	(35.000.000)	-
Lever Shirt Ltd	1 năm	1.587.503.619	(1.111.252.533)	476.251.086	Trên 1 năm	1.687.503.619	(844.254.794)	843.248.825
Kns International Co., Ltd	1 năm	1.387.824.240	(416.347.272)	971.476.968		-	-	-
		125.003.367	(37.501.010)	87.502.357		-	-	-
		5.202.766.175	(3.667.535.764)	1.535.230.411		3.789.938.568	(2.946.689.743)	843.248.825
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty TNHH Central Asset Management		10.077.250.000	(10.077.250.000)	-		-	-	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(13.744.785.764)			(2.946.689.743)		

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	37.116.960.212	-	42.085.254.311	-
Nguyên vật liệu	509.005.927.425	(68.149.280.704)	389.952.804.720	-
Công cụ và dụng cụ	350.313.499	-	1.119.807.861	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.685.611.475	-	62.735.138.587	-
Thành phẩm	181.290.869.090	(27.760.559.449)	87.901.575.238	(3.551.166.869)
Hàng hóa	25.310.453.945	-	33.744.002.605	-
Hàng gửi đi bán	57.917.307.652	-	83.129.362.755	-
	866.677.443.298	(95.909.840.153)	700.667.946.077	(3.551.166.869)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 106.648 triệu VND thành phẩm và 89.932 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2020: 6.994 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	328.034.638.054	798.479.175.961	45.297.885.409	124.312.018.833	1.296.123.718.257
Tăng trong kỳ	-	40.382.650.366	-	867.859.272	41.250.509.638
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	939.704.435	65.029.475	-	-	1.004.733.910
Thanh lý	-	(7.584.673.616)	(4.761.740.000)	(216.634.500)	(12.563.048.116)
Số dư cuối kỳ	328.974.342.489	831.342.182.186	40.536.145.409	124.963.243.605	1.325.815.913.689
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	210.402.315.600	648.234.019.738	35.151.407.789	77.735.362.235	971.523.105.362
Khấu hao trong kỳ	7.839.063.691	33.174.210.202	1.662.480.076	7.173.774.141	49.849.528.110
Thanh lý	-	(7.584.673.616)	(3.386.885.750)	(216.634.500)	(11.188.193.866)
Số dư cuối kỳ	218.241.379.291	673.823.556.324	33.427.002.115	84.692.501.876	1.010.184.439.606
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	117.632.322.454	150.245.156.223	10.146.477.620	46.576.656.598	324.600.612.895
Số dư cuối kỳ	110.732.963.198	157.518.625.862	7.109.143.294	40.270.741.729	315.631.474.083

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 787.162 triệu VND (1/1/2020: 696.032 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 76.001 triệu VND (1/1/2020: 98.778 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 22(b)).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	11.716.901.835	199.997.648	2.188.000.000	14.104.899.483
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.473.965.139	199.997.648	2.188.000.000	5.861.962.787
Khấu hao trong kỳ	895.677.555	-	-	895.677.555
Số dư cuối kỳ	4.369.642.694	199.997.648	2.188.000.000	6.757.640.342
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	8.242.936.696	-	-	8.242.936.696
Số dư cuối kỳ	7.347.259.141	-	-	7.347.259.141

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.737 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 3.270 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	40.046.921.393	29.095.295.903
Tăng trong kỳ	7.124.183.302	21.725.816.648
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(1.004.733.910)	(4.587.526.976)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 18)	(2.058.688.965)	(797.992.979)
Số dư cuối kỳ	44.107.681.820	45.435.592.596

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đất và tài sản gắn liền với đất mua từ Trung tâm		
Bán đấu giá Tài sản Tỉnh Nam Định	23.680.932.096	23.680.932.096
Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn	20.426.749.724	16.312.805.179
Dự án cải tạo xưởng mộc nề Phòng Đầu tư Tổng công ty	-	53.184.118
Số dư cuối kỳ	44.107.681.820	40.046.921.393

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	9.658.650.822	1.526.320.000	18.923.529.692	30.108.500.514
Tăng trong kỳ	3.055.167.814	228.787.879	3.932.790.624	7.216.746.317
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	2.058.688.965	2.058.688.965
Phân bổ trong kỳ	(4.283.407.214)	(262.218.184)	(6.790.481.759)	(11.336.107.157)
Số dư cuối kỳ	8.430.411.422	1.492.889.695	18.124.527.522	28.047.828.639

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Levertex Limited	210.083.768.249	238.081.539.749
Các nhà cung cấp khác	401.677.426.030	223.575.336.613
	<hr/>	<hr/>
	611.761.194.279	461.656.876.362

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	190.000.000	33.000.000

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.577.417.522	11.906.905.917	(6.717.124.913)	6.767.198.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.721.300.683	7.346.454.881	(3.003.481.859)	10.064.273.705
Thuế thu nhập cá nhân	995.775.402	5.400.206.688	(6.303.663.693)	92.318.397
Thuế nhà thầu	834.671.719	20.164.661	(408.812.827)	446.023.553
Thuế xuất nhập khẩu	-	147.495.280	(94.364.938)	53.130.342
Thuế đất	-	8.240.824.113	(302.400.000)	7.938.424.113
Các loại thuế khác	-	44.500.000	(44.500.000)	-
	9.129.165.326	33.106.551.540	(16.874.348.230)	25.361.368.636

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	4.116.575.918	544.569.491
Cổ tức phải trả	51.728.456.193	320.870.993
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.331.772.341	2.894.552.671
	59.176.804.452	3.759.993.155

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đặt cọc dài hạn	1.400.000.000	1.409.500.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	131.900.000	149.205.000
	11.531.900.000	11.558.705.000



Handwritten signature in blue ink.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/6/2020
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay ngắn hạn	280.001.778.234	736.881.838.562	(635.080.908.575)	(1.749.324.814)	380.053.383.407
Vay dài hạn đến hạn trả	50.580.178.000	-	(36.776.042.703)	152.464.703	13.956.600.000
	<u>330.581.956.234</u>	<u>736.881.838.562</u>	<u>(671.856.951.278)</u>	<u>(1.596.860.111)</u>	<u>394.009.983.407</u>

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	380.053.383.407	280.001.778.234

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay ngân hàng 2	VND	2015 - 2022	84.755.038.221	57.788.822.000
Khoản vay ngân hàng 3	USD	2015 - 2022	67.930.428.204	101.610.735.820
Vay cá nhân	VND	2018 - 2022	2.062.000.000	1.702.000.000
			154.747.466.425	161.101.557.820
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(13.956.600.000)	(50.580.178.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			140.790.866.425	110.521.379.820

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 76.001 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 98.778 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty và Ban lãnh đạo của công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	14.448.230.114	5.319.825.688
Trích lập trong kỳ	12.842.500.000	14.985.776.000
Tăng khác	172.610.000	278.340.000
Sử dụng trong kỳ	(8.935.996.271)	(2.478.384.101)
Số dư cuối kỳ	18.527.343.843	18.105.557.587

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	302.400.000.000	(2.440.000)	14.316.819.147	57.206.135.398	702.359.530	374.622.874.075
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	33.174.451.932	102.292.071	33.276.744.003
Phân bổ vào các quỹ	-	-	5.503.000.000	(5.503.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.954.552.000)	(31.224.000)	(14.985.776.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(36.288.000.000)	(10.000.000)	(36.298.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	302.400.000.000	(2.440.000)	19.819.819.147	33.635.035.330	763.427.601	356.615.842.078
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	302.400.000.000	(2.440.000)	19.819.819.147	68.149.055.645	702.359.530	391.068.794.322
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.727.847.744	111.741.558	32.839.589.302
Tặng khác	-	-	-	2.665.800.000	-	2.665.800.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	3.379.500.000	(3.379.500.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.842.500.000)	-	(12.842.500.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(51.407.585.200)	-	(51.407.585.200)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	302.400.000.000	(2.440.000)	23.199.319.147	35.913.118.189	814.101.088	362.324.098.424

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.240.000	302.400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.240.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.239.756	302.397.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2020 và 1/1/2020		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	33,82%
Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Huyền	1.733.600	17.336.000.000	5,73%
Các cổ đông khác	18.278.758	182.787.580.000	60,44%
	30.239.756	302.397.560.000	99,99%

26. Cổ tức

Ngày 2 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2019 với số tiền là 51.408 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 36.288 triệu VND).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 2 tháng 5 năm 2020, Tổng công ty đã trích lập 3.380 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 5.503 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2019 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	457.173	10.571.002.203	1.905.779	44.043.063.249
Euro (“EUR”)	55.970	1.433.652.719	-	-
		<hr/>		<hr/>
		12.004.654.922		44.043.063.249
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	36.788.988.490	43.530.659.690
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.741.671.200	-
	<hr/>	<hr/>
	43.530.659.690	43.530.659.690
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	7.886.902.830	7.886.902.830
Trong vòng hai đến năm năm	31.547.611.320	31.547.611.320
Sau năm năm	90.158.758.678	94.102.210.093
	<hr/>	<hr/>
	129.593.272.828	133.536.724.243
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.548.972.509.865	1.212.919.251.986
▪ Cung cấp dịch vụ	7.582.045.754	15.875.870.411
▪ Gia công	248.511.504.412	321.007.321.253
	<hr/>	<hr/>
	1.805.066.060.031	1.549.802.443.650
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.914.079.649)	(39.182.912)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.801.151.980.382	1.549.763.260.738

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2020 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.254.475.129.091	1.055.338.788.732
Dịch vụ đã cung ứng	1.688.409.715	1.795.705.825
Dịch vụ gia công	231.228.362.192	248.420.815.453
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	92.358.673.284	-
	<hr/>	<hr/>
	1.579.750.574.282	1.305.555.310.010

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	299.089.559	320.874.479
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.151.362.017	9.331.634.270
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.121.682.660	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	290.932.200	179
	<hr/>	<hr/>
	15.863.066.436	9.652.508.928



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.678.533.635	12.528.820.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.929.290.485	7.659.646.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.983.937.644
Chi phí tài chính khác	3.128.581	1.204.283
	16.610.952.701	22.173.608.662

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.866.382.967	15.551.434.302
Chi phí quảng cáo	1.657.155.759	1.975.988.295
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	13.394.042.134	17.302.003.170
Chi phí xuất khẩu	15.910.991.522	15.240.838.382
Chi phí thuê cửa hàng	6.604.031.506	7.748.331.249
Chi phí bán hàng khác	24.844.067.762	29.461.807.590
	81.276.671.650	87.280.402.988

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	55.072.937.741	53.371.913.668
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.574.923.220	15.800.017.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.784.030.918	9.060.017.580
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10.798.096.021	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.204.022.786	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.389.647.476	28.095.633.787
	100.823.658.162	106.327.582.161

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.215.151.659	1.136.625.459
Thu nhập khác	456.460.558	290.430.714
	<hr/>	<hr/>
	1.671.612.217	1.427.056.173

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	782.228.461.412	648.126.554.000
Chi phí nhân viên	473.342.987.761	397.918.705.212
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.084.480.035	62.004.983.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.638.597.167	244.249.987.995
Chi phí khác	52.891.867.412	162.818.212.615

37. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.186.044.183	39.504.476.319
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.192.341.153	2.570.917.149
	<hr/>	<hr/>
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	44.378.385.336	42.075.393.468
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng công ty	8.875.677.067	8.415.078.694
Chi phí cho lao động nữ	(1.248.314.700)	(2.187.346.378)
Biến động khác	(280.907.486)	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.346.454.881	6.227.732.316

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty và công ty con được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 26.306.597.744 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 25.697.175.932 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.239.756 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 30.239.756 cổ phiếu). Chi tiết của lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	32.727.847.744	33.174.451.932
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.421.250.000)	(7.477.276.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	26.306.597.744	25.697.175.932

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 6.421.250.000 VND dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2019.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	17.386.576.600	12.272.877.600
Bán hàng hóa	135.179.542	3.693.948.320
Mua dịch vụ	202.727.273	92.885.422
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Lương và thưởng	5.997.872.400	6.459.611.875

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

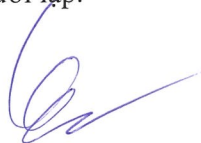
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Cần trừ khoản phải thu về cho vay và khoản vay	-	9.702.887.543
Cần trừ khoản phải thu nhân viên và khoản vay	383.000.000	60.000.000

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ (i) các số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan; và (ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

26-08-2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc